

NGHÈO DƯỚI CHIỀU KÍCH THU NHẬP – CHI TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TÀI CHÍNH TRONG THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO CỦA TỈNH BÌNH DƯƠNG

Phạm Thị Lan Trinh⁽¹⁾, Nguyễn Thị Tuyết Thanh⁽²⁾, Phạm Giao Tiểu Ái⁽¹⁾

(1) Viện Nghiên cứu Đời sống Xã hội, (2) Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày nhận bài 13/1/2019; Ngày gửi phản biện 28/1/2019; Chấp nhận đăng 26/3/2019

Email: trinh.ptl@vnp.edu.vn

Tóm tắt

Bài nghiên cứu này phân tích khía cạnh thu nhập - chi tiêu của hộ nghèo tại tỉnh Bình Dương từ số liệu khảo sát 900 hộ nghèo và cận nghèo. Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập của hộ nghèo tại Bình Dương cao hơn mức trung bình của cả nước, dao động ở mức 4,319,707 đồng/tháng tuy nhiên mức thu nhập còn chưa ổn định; hơn 60% hộ cho rằng chi tiêu của họ vẫn còn phải chi trả bằng các nguồn khác. Bài viết cũng tiến hành phân tích các chính sách tài chính hiện đang được áp dụng để hỗ trợ phát triển sinh kế cho hộ nghèo, đánh giá mức độ hiệu quả của các chính sách này cũng như đưa ra những hạn chế của chính sách thông qua các cuộc phỏng vấn sâu và đề xuất các giải pháp.

Key word: nghèo đa chiều, tài chính vi mô, thu nhập người nghèo

Abstract

THE ANALYSIS OF INCOME - EXPENDITURE AND FINANCIAL POLICY IN IMPLEMENTING POVERTY REDUCTION OF BINH DUONG PROVINCE

This paper focuses on analyzing the income - expenditure aspects of poor households in Binh Duong province from survey data of 900 poor and near poor households. The results show that: (i) income of poor households in Binh Duong is higher than the average of the whole country, ranging from 4,319,707 VND / month but the income is still unstable; (ii) more than 60% of poor households confirmed that their spending was financed by other sources besides their income. This paper also analyzes financial policies that are currently applied to support livelihood development for poor households. It evaluates the effectiveness of these policies as well as imposes limitations of informed policies through in-depth interviews and proposed solutions.

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, qua nhiều thập niên, cách đo lường và đánh giá nghèo vẫn chủ yếu thông qua thu nhập. Chuẩn nghèo được xác định dựa trên mức chi tiêu đáp ứng những nhu cầu tối thiểu và được quy thành tiền. Nếu người có thu nhập thấp dưới mức chuẩn nghèo thì được đánh giá thuộc diện hộ nghèo. Chuẩn nghèo đơn chiều do Chính phủ Việt Nam quy định được đánh giá là thấp so với thế giới. Trên thực tế, nhiều hộ dân thoát nghèo nhưng mức thu nhập vẫn nằm cận chuẩn nghèo, do đó số lượng hộ cận nghèo vẫn rất lớn, tỷ lệ tái nghèo còn cao chiếm hơn 30% (Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội, 2018). Đặc biệt, có một sự khác biệt đáng kể giữa tình trạng nghèo đô thị và

nông thôn nếu chỉ đo lường nghèo trên các tiêu chí thu nhập. Đo lường nghèo theo phương pháp đơn chiều thì sẽ dễ dẫn kết quả là sự đánh giá không phản ánh được thực tế vì coi tình trạng nghèo đô thị tương đương với tình trạng nghèo ở nông thôn. Trong khi, bối cảnh xã hội với những đặc trưng riêng giữa thành thị và nông thôn dẫn đến những thuận lợi và khó khăn rất khác nhau giữa hai đối tượng nghèo này. Năm 2010, tại Sabina Alkire, Liên Hiệp Quốc lần đầu tiên công bố bộ Chỉ số nghèo đa chiều MPI (Multidimensional Poverty Index), đo nghèo đa chiều dựa trên nền tảng lý luận phát triển con người. Hiện nay, tiêu chí đo nghèo được sử dụng rộng rãi toàn cầu được phân làm 3 loại tiêu chí: Tiêu chí thu nhập, tiêu chí phát triển con người, chỉ số nghèo đa chiều. Cùng đề cập đến khái niệm “nghèo đa chiều”, tiêu chuẩn do Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) thiết lập cho khu vực đô thị có sự mở rộng hơn khi áp dụng các tiêu chuẩn vào trong bối cảnh đô thị. Các tiêu chuẩn này bao gồm: phân phối thu nhập đô thị; nghèo về điều kiện nhà ở chính thức; tiếp cận dịch vụ nước sạch và vệ sinh đô thị; nghèo tiếp cận việc làm và cơ hội sinh kế; nghèo xã hội trong tiếp cận giáo dục và dịch vụ y tế; ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa (Bank, 2014).

Tiếp cận những quan điểm hiện đại về tiếp cận nghèo đa chiều, Việt Nam đã chính thức chuyển từ phương pháp tiếp cận nghèo đơn chiều sang nghèo đa chiều từ 15/09/2015 (Thủ tướng Chính phủ, 2015). Theo đó, chuẩn nghèo đa chiều cho giai đoạn 2016 - 2020 của Việt Nam được xây dựng theo hướng sử dụng kết hợp cả chuẩn nghèo về thu nhập và mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Tiêu chí đo lường nghèo được xây dựng dựa trên cơ sở: (1) Các tiêu chí về thu nhập, bao gồm: chuẩn mức sống tối thiểu về thu nhập, chuẩn nghèo về thu nhập, chuẩn mức sống trung bình về thu nhập. (2) Mức độ thiếu hụt trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, bao gồm: tiếp cận về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

Bài nghiên cứu nhằm mục tiêu phân tích nghèo tại tỉnh Bình Dương dưới chiều kích thu nhập - chỉ tiêu trong mối tương quan với các chiều kích khác trong đo lường nghèo đa chiều; phân tích và đánh giá các chính sách hỗ trợ tài chính cho người nghèo tại tỉnh Bình Dương trong giai đoạn 1998 - 2016. Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, bài viết sẽ đi sâu trả lời các câu hỏi cụ thể sau: Hiện trạng người nghèo tại tỉnh Bình Dương dưới chiều kích thu nhập - chỉ tiêu như thế nào? Các chính sách hỗ trợ tài chính nào đang được áp dụng cho người nghèo tại tỉnh Bình Dương? Mức độ hiệu quả thực hiện các chính sách hỗ trợ tài chính hiện tại?

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Lý thuyết năng lực của Amartya Sen

Để đạt được trạng thái tự do mà Amartya Sen mừng tượng, con người cần được đáp ứng những điều kiện nhất định, có thể hình dung qua ba khái niệm lý thuyết cơ bản là “trạng thái hoạt động hiệu quả” (functionings), “năng lực” (capability), và “chủ thể” (agency). Trong đó, **trạng thái hoạt động hiệu quả (Functionings)** là những hành vi và trạng thái có giá trị tạo nên sự hạnh phúc (well-being) cho con người như sức khỏe, an toàn, công việc tốt. **Năng lực (Capabilities)** ám chỉ khả năng kết hợp các thành phần khác nhau để đạt được mục đích đã định. Nói cách khác, năng lực đề cập tới khả năng của một con người để theo đuổi các mục tiêu có giá trị đối với họ. **Chủ thể (Agency)** là một người nào đó hành động và tạo ra sự thay đổi. Theo quan điểm này, con người được coi là có tính chủ động, sáng tạo và có thể hành động theo khát vọng của mình, họ được tham gia, được trao quyền và dân chủ.

Lỗi tiếp cận “trạng thái hoạt động hiệu quả” đưa đến cách hiểu đa dạng hơn về sự thịnh vượng, cụ thể trong nghiên cứu này là vấn đề về sinh kế của người nghèo. Theo đó, Amartya Sen cho rằng “*có những lý do xác đáng để coi nghèo khổ là sự bị tước đoạt các năng lực cơ bản, chứ không chỉ là thu nhập thấp*”, và việc bị tước đoạt những năng lực cơ bản đó có thể được thể hiện qua “*sự chết yểu, thiếu dinh dưỡng nghiêm trọng (đặc biệt đối với trẻ em), sự hoành hành của bệnh tật dai dẳng, nạn mù chữ phổ biến và những yếu kém khác*” (Nguyễn Trung Thành, 2016). Từ đó, muốn cải thiện tình trạng đói nghèo, theo ông, không chỉ là tìm cách tăng thu nhập mà còn cần phải mở rộng phạm vi lựa chọn để người dân có thể phát triển năng lực của họ. Từ các nghiên cứu của Amartya Sen, người ta đặt ra vấn đề rằng “*thu nhập không phải là tiêu chí duy nhất đo lường sự nghèo đói*” mà để đánh giá, chúng ta còn cần “*phải tự vấn về vấn đề phân phối và cường độ nghèo*” cũng như về “*chất lượng cuộc sống*” (Nguyễn Trung Thành, 2016).

2.2. Tiếp cận nghèo đa chiều

Từ góc độ năm loại vốn của con người bao gồm: vốn nhân lực, vốn tài chính, vốn vật chất, vốn xã hội và vốn tự nhiên, có thể thấy, để đánh giá đúng cần một góc độ tiếp cận đa chiều hơn về tình trạng nghèo khi đặt hai khái niệm “nghèo đa chiều” và “năng lực” (trong mối quan hệ “trạng thái hoạt động hiệu quả” – “năng lực” – “chủ thể”) lại với nhau. Khái niệm nghèo đa chiều được định nghĩa là tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống, thể hiện rõ một sự thiếu thốn về mặt năng lực (Alkire & Foster, 2011). Với cách định nghĩa như trên, nghèo tức là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội, chẳng hạn như: giáo dục, y tế, kinh tế, chính trị v.v... Hay nói một cách đơn giản nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được khám chữa bệnh, không có đất đai để trồng trọt, hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là không an toàn, không có quyền và bị loại trừ, dễ bị bạo hành, phải sống trong các điều kiện rủi ro, không tiếp cận được nước sạch và các công trình vệ sinh. Bên cạnh việc định nghĩa là khái niệm nghèo đa chiều, các tiêu chí nghèo đa chiều cũng được thiết lập để làm căn cứ đánh giá hiện trạng nghèo đói.

Tóm lại, tổng quan hóa lý thuyết được áp dụng vào đề tài nghiên cứu này tiếp cận nghèo đói theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều. Các tiêu chí đánh giá dựa trên tiếp cận lý thuyết về năm loại vốn cơ bản để xác định năng lực của chủ thể. Các phân tích đặt chủ thể trong bối cảnh văn hóa cụ thể và trong mối quan hệ với các định chế xã hội với giả thuyết là chủ thể luôn có gắng hướng tới trạng thái hoạt động hiệu quả nhất. Nền tảng của tất cả những giả thuyết này là quan điểm về phát triển con người với mục tiêu cuối cùng là đạt được trạng thái tự do.

2.3. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu sử dụng

Bài viết sử dụng kết hợp phương pháp phân tích định tính và định lượng trong đó phương pháp đối chiếu so sánh được xem là phương pháp phân tích hữu hiệu chúng tôi sẽ tập trung triển khai trong nghiên cứu này. *Kỹ thuật và công cụ nghiên cứu*: điều tra chọn mẫu bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, phỏng vấn nhóm và ghi chép quan sát. Dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, cơ quan Nhà nước. Dữ liệu sơ cấp, bài nghiên cứu sử dụng kết quả khảo sát 900 phiếu phỏng vấn định lượng, phân bổ tại 9 thị xã, huyện, mỗi thị xã/huyện lại chọn hai xã/phường (tổng cộng 18 xã/phường) theo tiêu chí có nhiều hộ gia đình nghèo, cận nghèo và thoát nghèo trong giai đoạn (1998- 2016). Trong đó phân bổ mỗi thị xã/huyện là 50 phiếu. Ở cấp

xã/phường tiến hành chọn mẫu theo nguyên tắc phân tầng ở ba cấp độ: hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo dựa trên danh sách các hộ gia đình được cung cấp từ Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương. Để thực hiện đề tài này, chúng tôi đã thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu cá nhân là đối tượng người dân ở ba cấp độ nghèo, cận nghèo và thoát nghèo, cán bộ đại diện các sở ban ngành liên quan (Số lượng khảo sát 160, trong đó tiến hành phỏng vấn sâu và quan sát 60 hộ gia đình, mỗi hộ gia đình phỏng vấn chủ hộ và một thành viên khác trong gia đình; Số lượng khảo sát dành cho cán bộ, chuyên gia có liên quan là 40).

3. Kết quả nghiên cứu

Thông qua kết quả khảo sát và nghiên cứu, công cuộc giảm nghèo của tỉnh Bình Dương đã có những thành tựu nhất định. Mức thu nhập của người nghèo ở Bình Dương cao hơn so với mức thu nhập hộ nghèo theo chuẩn Quốc gia. Với mức chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 của Bình Dương áp dụng cao hơn gấp hai lần so với chuẩn nghèo Quốc gia cho cả chuẩn nghèo ở đô thị và nông thôn và Bình Dương là tỉnh duy nhất không còn hộ nghèo theo chuẩn Quốc gia. Tuy nhiên khi xem xét về khía cạnh thu nhập, chỉ tiêu của người nghèo tại tỉnh Bình Dương cần gắn với đặc điểm kinh tế văn hóa xã hội của tỉnh và cần đặt trong mối quan hệ với những khía cạnh khác trong nghèo đa chiều để có thể nhìn nhận một cách tổng quát và đưa ra những giải pháp phù hợp. Do đó bài nghiên cứu sẽ tiến hành phân tích sâu hơn về khía cạnh thu nhập - chỉ tiêu và những chính sách hỗ trợ về tài chính hiện tại được áp dụng tại tỉnh Bình Dương

3.1. Phân tích kết quả khảo sát dưới chiều kích thu nhập – chỉ tiêu

Về thu nhập: Bảng 1 cho thấy tổng quan về thu nhập của nhóm hộ được khảo sát tại tỉnh Bình Dương hiện nay. Trung bình, nhóm hộ được phân loại nghèo theo tiêu chuẩn của nhà nước từ năm 2012 – 2017 có thu nhập trung bình rơi vào khoảng 1,184,552 mỗi tháng, mức thu nhập này cao hơn cả mức phân loại của Bình Dương (giai đoạn 2015) lẫn cả nước nói chung (chuẩn nghèo Bình Dương: hộ nghèo nông thôn thu nhập dưới 1,000,000 đồng/người/tháng; Hộ nghèo thành thị dưới 1,100,000 đồng/người/tháng). Thu nhập trung bình đầu người của nhóm hộ phân loại cận nghèo cũng cao hơn ngưỡng phân loại hộ cận nghèo trước đây 1,488,138 đồng/người/tháng (cao hơn mức ngưỡng trên ở nông thôn 1,300,000 đồng/người/tháng và thành thị 1,430,000 đồng/người/tháng). Sự chênh lệch một phần có thể được giải thích bởi sự trượt giá theo thời gian do các chỉ số lạm phát chung của cả nền kinh tế. Nhưng nhìn chung thu nhập theo hộ của nhóm hộ nghèo vẫn còn khá thấp dao động từ mức thu nhập trung bình 4,319,707 của mỗi hộ nghèo/tháng đến 5,666,000 thu nhập trung bình của hộ phân loại trung bình/tháng.

Bảng 1: Thu Nhập

		Tổng thu nhập của hộ (đồng/tháng)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
2012 - 2017 theo tiêu chuẩn Nhà nước	Hộ nghèo	4,319,707	1,184,552
	Cận nghèo	5,405,709	1,488,138
	Trung bình	5,666,000	1,795,276

Nguồn: Số liệu khảo sát định lượng tháng 11 năm 2017

Kết quả khảo sát chỉ ra được rằng vấn đề khiến các hộ gia đình cảm thấy lo lắng nhất về nguồn thu nhập của họ đó là không đủ để đương đầu với các vấn đề ốm đau bệnh tật (dao động khoảng 50%). Trong đó, họ vừa lo lắng rằng khi đau ốm họ sẽ không đủ khả năng làm việc khiến giảm nguồn thu nhập, vừa lo lắng vì nếu gia đình có người đau ốm thì mức thu nhập vốn không đủ khả năng chi trả cho chi tiêu của họ hiện tại sẽ tiếp tục khiến họ không có khả năng tài chính cho việc chữa bệnh. Ngoài ra, một vấn đề khác cũng khiến họ bận tâm về thu nhập của mình đó là công việc không ổn định (11%).

Khía cạnh chi tiêu: Chi tiêu là một biến số quan trọng trong việc nghiên cứu về nghèo đói, nên được xem xét đồng thời cùng với thu nhập của hộ gia đình. Chi tiêu thể hiện được mức độ các chi phí để đáp ứng nhu cầu vật chất và văn hóa tinh thần cho các thành viên trong gia đình. Bảng 2 trình bày mức chi tiêu trung bình của các hộ gia đình được khảo sát, theo đó mức chi tiêu trung bình của toàn bộ mẫu vào khoảng 5 triệu đồng/tháng, trong đó hộ trung bình lại có mức chi tiêu thấp nhất (gần 4 triệu đồng/tháng) và hộ cận nghèo có mức chi tiêu cao nhất (gần 7 triệu đồng/tháng), trong khi không có sự khác biệt thu nhập đáng kể của hộ gia đình cận nghèo so với hộ nghèo và hộ trung bình.

Bảng 2. Tổng chi tiêu (đồng/tháng)

	Giá trị trung bình	Trả lời
Hộ nghèo	4,348,857.10	606
Cận nghèo	6,712,325.00	244
Trung bình	3,765,480.00	50
Tổng	4,957,209.67	900

Nguồn: Số liệu khảo sát định lượng tháng 11 năm 2017

Khi phân tích chi tiêu theo khu vực, kết quả khảo sát cho thấy có sự chênh lệch khá rõ ràng giữa các nhóm chi tiêu thấp nhất (6%) và cao nhất (36%) ở địa bàn thị xã Dĩ An trong khi ở các khu vực khác, sự phân bố tương đối đồng đều hơn. Các nhóm chi tiêu ở mức trung bình giữa nhóm chi tiêu thấp nhất và nhóm chi tiêu cao nhất có sự phân bố tương đối đều ở mức khoảng 10% đến hơn 20%. Với thu nhập ở mức trung bình – thấp những người nghèo ở tỉnh Bình Dương có sự chi tiêu eo hẹp và khó khăn, họ thường chi tiêu cho tiêu dùng hàng ngày hơn là chi tiêu cho những khoản đầu tư. Những khoản chi không thể thiếu được đối với họ là: tiền sinh hoạt hằng ngày, tiền điện nước, tiền đám cưới ma chay, tiền học phí (đối với những hộ đang có con đi học) và tiền nợ (đối với một số gia đình có vay mượn nợ). Điều này càng được thể hiện rõ hơn khi mức thu nhập hiện nay của các hộ trong nhóm đối tượng nghèo được phỏng vấn tại tỉnh Bình Dương vẫn chưa đáp ứng đủ cho tất cả các khoản chi tiêu mà gia đình cần, tỉ lệ cao nhất là nhóm hộ nghèo, hơn 60% hộ cho rằng chi tiêu của họ vẫn còn phải chi trả bằng các nguồn khác, ở nhóm cận nghèo tỉ lệ này là 57%, tích cực nhất là nhóm hộ trung bình cho rằng tỉ lệ này chỉ chiếm 48%.

Bảng 3: Thu nhập của hộ có đủ trang trải tất cả các khoản chi tiêu

			Hộ nghèo	Cận nghèo	Trung bình	Tổng
Thu nhập của hộ đủ trang	Có, thu nhập đủ cho chi tiêu	Số lượng	242	104	26	372
		%	39,9%	42,6%	52,0%	41,3%

trải tất cả các khoản chi tiêu	Không, cần nguồn khác bổ sung	Số lượng	364	140	24	528
		%	60,1%	57,4%	48,0%	58,7%
Tổng		Số lượng	606	244	50	900
		%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%

Nguồn: Số liệu khảo sát định lượng tháng 11 năm 2017

So với ngưỡng thu nhập trước đây của cả nước nói chung lẫn Bình Dương nói riêng, thì thu nhập trung bình của người nghèo ở Bình Dương hiện nay cao hơn. Tuy nhiên, đa phần người nghèo ở Bình Dương vẫn có công việc mang tính chất bấp bênh, thời vụ, do học vấn của họ chủ yếu đều ở dưới cấp trung học cơ sở, điều này ảnh hưởng rất lớn đến chính thu nhập của họ. Mặt khác, hiện nay nguồn thu nhập của họ không đủ đáp ứng nhu cầu chi tiêu, tạo nguy cơ cao về mặt tài chính.

Từ những kết quả trình bày như trên chúng ta có thể thấy rõ khi phân tích chiều kích thu nhập, chỉ tiêu cần đặt trong mối quan hệ với những chiều kích khác đặc biệt là chiều kích về giáo dục và y tế. Việc phân tích nghèo đơn chiều sẽ không còn phù hợp trong bối cảnh hiện tại vì không thể phản ánh, nhìn nhận vấn đề nghèo một cách tổng quát, do đó sẽ không thể tìm hiểu được nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo và không có được giải pháp phù hợp. Theo kết quả từ khảo sát đã được phân tích, hiện tại mức thu nhập của người nghèo tại Bình Dương đang ở mức thu nhập trung bình, thu nhập vẫn chưa ổn định do ảnh hưởng từ công việc bấp bênh, trình độ học vấn thấp và vấn đề sức khỏe là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của hộ nghèo. Với mức thu nhập này, hầu hết các hộ được khảo sát đều nhận định rằng họ không thể trang trải tất cả chi tiêu bằng thu nhập của mình mà phải dùng từ các nguồn khác. Ở phần tiếp theo của bài viết sẽ đề cập đến nguồn hỗ trợ tài chính hiện tại đang được áp dụng tại tỉnh Bình Dương để hỗ trợ cho hộ nghèo.

3.2. Các chính sách hỗ trợ tài chính

Nhận biết được mức độ khó khăn của người nghèo trong quá trình chuyển đổi sinh kế và nghề nghiệp của mình, bởi những giới hạn về vốn và các dịch vụ xã hội, chính sách người nghèo của tỉnh Bình Dương đã có những hỗ trợ thiết thực về các nguồn vốn xã hội khác nhau nhằm tạo nhiều điều kiện thuận lợi để người nghèo ở tỉnh có thể phát triển kinh tế của gia đình họ. Có rất nhiều chính sách hỗ trợ vốn khác nhau cho người nghèo tỉnh Bình Dương nhắm tới nhiều mục đích: ổn định chỗ ở, cơ hội tiếp cận nguồn nước sạch, phát triển kinh tế, hỗ trợ khám chữa bệnh, hỗ trợ học tập... thông qua nhiều tổ chức các cấp khác nhau như: Ngân hàng, Hội nông dân, Hội Phụ nữ, chính quyền địa phương... Cụ thể chính sách cho vay ưu đãi lãi suất để sản xuất, kinh doanh và cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng chính sách xã hội với số lượng hộ tiếp cận nguồn vốn này là hơn 23,000 hộ. Ngoài ra một nguồn vốn khác cũng đã hỗ trợ thiết thực cho các hộ nghèo và cận nghèo tại Bình Dương ổn định được công việc, nâng cao thu nhập và thoát nghèo đó là hoạt động tài chính vi mô tại Quỹ hỗ trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP). Mức dư nợ tính đến năm 2015 của Quỹ này là trên 136 tỷ với số hội viên lên đến gần 12.000 hội viên.

Phân tích chính sách hỗ trợ tài chính từ kết quả khảo sát hai nhóm đối tượng (nhóm hộ có tham gia vay vốn và nhóm hộ không tham gia vay vốn), nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng nghèo tại địa phương là do thiếu vốn (100% ý kiến đồng ý) cho cả 2 nhóm đối tượng. Thiếu vốn sản xuất ở đây là thiếu vốn để làm ăn, phần lớn các hộ nghèo khi được điều tra đều cho biết có nhu cầu

muốn được vay vốn để mở rộng thêm sản xuất kinh doanh. Một số hộ cũng mong muốn nếu họ có vốn họ sẽ buôn bán kinh doanh nhỏ để có thêm thu nhập. Mặt khác các hộ này còn cho rằng thiếu vốn sản xuất cũng gây khó khăn trong đời sống, sản xuất, vì không có vốn bỏ ra ban đầu nên họ phải vay/mua nợ với giá cao hơn, và có tính lãi suất. Do đó khi có lợi thuận họ lại phải trả các chi phí ban đầu, phần lợi nhuận còn lại không đủ cho họ chi tiêu cho đến mùa sau, và không có vốn để tái đầu tư lại sản xuất. Họ lại vay tiếp với lãi suất cao hơn, nhiều hộ còn vay nóng bên ngoài để duy trì sản xuất nhưng cách thức sử dụng vốn này chỉ dẫn đến tình trạng tài chính còn tồi tệ hơn.

Đối với hộ có vay vốn họ cho rằng lượng vốn quá ít không đủ để đầu tư sản xuất – kinh doanh mà thời hạn vay lại ngắn nên dẫn đến tình trạng thiếu vốn. Có một thực tế trong việc sử dụng những nguồn vốn được hỗ trợ vay của người nghèo là đa số họ sử dụng nguồn vốn không đúng với mục đích của bên cho vay, thường họ sẽ vay nguồn vốn này sử dụng giải quyết các vấn đề trước mắt về đời sống họ như: chi tiêu hằng ngày, xây nhà, trả nợ và bệnh tật còn riêng việc sử dụng nguồn vốn vào việc phát triển kinh tế còn gặp nhiều hạn chế và chưa được người nghèo ưu tiên sử dụng (*Theo kết quả phỏng vấn sâu 11/2017*).

Đối với những hộ không tham gia vay vốn lại được chia ra hai nhóm đối tượng: nhóm không muốn tham gia vay và nhóm không đủ điều kiện vay vốn. Đối với nhóm đối tượng đầu tiên, có một đặc điểm chung hạn chế họ tiếp cận đối với các nguồn vốn là bởi tâm lý lo sợ không thể trả nợ sau khi vay, cũng như không thể phát triển được nguồn vốn được vay nên rất nhiều người từ chối vay mượn các nguồn vốn này, đặc biệt là những nguồn vốn phát triển về kinh tế. Trường hợp đặc biệt lắm như: ốm đau, bệnh tật hoặc chỗ ở không ổn định họ mới vay để sử dụng giải quyết những vấn đề này. Mặt khác, những khó khăn trong điều kiện chính sách vay vốn cũng làm hạn chế đến khả năng tiếp cận nguồn vốn của người nghèo. Bởi các chính sách vay vốn luôn xem xét người vay có khả năng hoàn lại vốn hay không bằng điều kiện kinh tế thể hiện qua những vật chất kinh tế mà người vay sở hữu như: Đất đai, nhà cửa, các vật dụng đắt tiền... nhưng đối với những người nghèo lại rất hạn chế về điều này khiến họ không thể vay vốn, hoặc chỉ vay được số vốn rất nhỏ rất khó cho việc phát triển kinh tế (*Theo kết quả phỏng vấn sâu 11/2017*).

4. Thảo luận và kết luận

Bài nghiên cứu tiếp cận người nghèo dưới chiều kích thu nhập - chi tiêu đặt trong mối quan hệ với các chiều kích khác trong thang đo nghèo đa chiều. Dựa trên tình hình kinh tế xã hội của Tỉnh, việc nâng chuẩn nghèo tại Bình Dương được xem là chính sách phù hợp, đảm bảo sự đánh giá đúng về tiêu chuẩn người nghèo trên phương diện thu nhập của địa phương. Với mức chuẩn mới này trong chiều cạnh thu nhập, sẽ có nhiều người nghèo được hỗ trợ hơn về các mặt, tránh tình trạng rơi vào trạng thái nghèo kiệt quệ, nghèo bền vững. Tuy nhiên, thông qua số liệu khảo sát định lượng và kết quả phỏng vấn sâu vào tháng 11/2017 có thể nhận thấy người nghèo tại Bình Dương vẫn đang có mức thu nhập không ổn định, chưa đủ đáp ứng được cho các chi tiêu trong hộ và cần đến những chính sách hỗ trợ tài chính từ cơ quan chính quyền. Cụ thể có đến 60% hộ nghèo không có đủ thu nhập để trang trải cho chi tiêu và cần phải đi vay nợ để bù đắp. Vấn đề thu nhập bấp bênh lại có mối quan hệ nhân quả từ thực trạng tình trạng học vấn thấp và vấn đề sức khỏe của các thành viên trong hộ gia đình. Sức khỏe và giáo dục (trình độ học vấn) cũng là hai chiều kích quan trọng khi phân tích nghèo và sinh kế nghèo.

Các chính sách hỗ trợ tài chính cho người nghèo của Bình Dương về cơ bản đã đạt được một số kết quả tích cực trong công tác xóa đói giảm nghèo. Nguồn vốn hỗ trợ công tác giảm nghèo được mở rộng với sự tham gia của xã hội, điển hình là các doanh nghiệp tại địa phương. Điều này góp phần tích cực trong việc thúc đẩy nguồn vốn được sử dụng ngày càng hiệu quả, bền vững hơn; vừa mở ra nhiều cơ hội tiếp cận vốn sản xuất hơn cho người thu nhập thấp và cũng tạo sức ép để những người vay vốn có trách nhiệm hơn với mỗi đồng vốn được tài trợ, tạo động lực lớn để những người này từng bước vượt ra khỏi cảnh nghèo khó. Tuy nhiên các chính sách hỗ trợ tài chính này vẫn còn hai tồn tại đó là: *một bộ phận người nghèo chưa có cơ hội tiếp cận các nguồn vốn hỗ trợ do khó khăn trong chính sách; việc sử dụng vốn không hiệu quả của một số hộ được tiếp nhận nguồn hỗ trợ*. Tiếp cận vấn đề này theo lý thuyết năng lực của Amartya Sen, con người cần được trang bị những yếu tố cần thiết và được cung cấp cơ hội để xây dựng “năng lực” của bản thân và đạt được những kết quả mong muốn. Như vậy, để nâng cao hiệu quả các chính sách tài chính hướng đến thoát nghèo bền vững cần: *trang bị kiến thức, nâng cao trình độ học vấn cho người nghèo; các chính sách về an sinh xã hội đặc biệt là chính sách chăm sóc sức khỏe để người dân có thể an tâm làm việc nâng cao nguồn thu nhập; thay đổi về điều kiện vay vốn để có thể tăng khả năng tiếp cận vốn cho các hộ nghèo*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Alkire, S., & Foster, J. (2011). Understandings and misunderstandings of multidimensional poverty measurement. *The Journal of Economic Inequality*, 9(2), 289-314.
- [2] Bank, A. D. (2014). Urban poverty in Asia. Mandaluyong City, Philippines: *Asian Development Bank*.
- [3] Brown, M. M. (2004). Human Development Report. UNDP
- [4] DFID. (1999). Sustainable guidance sheet. London: Department for International Development.
- [5] Fortman, B. d. (2004). In search of a new paradigm. In A. V. Oscar Salemink, *The Development of Religion/ The Religion of Development* (pp. 19-28).
- [6] Nguyễn Hồng Thu, Phạm Công Luận, Trần Thị Cẩm Vân (2017). Công tác xóa đói giảm nghèo ở tỉnh Bình Dương nhìn từ góc độ tài chính vĩ mô. *Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một*, 2(33), 120 - 126.
- [7] Nguyễn Thế Nghĩa, Mạc Đường, Nguyễn Quang Vinh (2001). Vấn đề giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa ở thành phố Hồ Chí Minh. NXB Khoa học Xã hội.
- [8] Nguyễn Trung Thành (2016). Những tư tưởng của Amartya sen và ý nghĩa của chúng ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu con người*, 2(83).
- [9] Rudiger Korff, Heiko Schader. (2004). Does the end of development revitalise history? In A. V. Oscar Salemink. *The Development of Religion/The Religion of Development*. Eburon Delft.
- [10] Sen, S. A. (1997). Concepts of Human Development and Poverty: A Multidimensional Perspective. Human Development Paper, 1-19.
- [11] Thủ tướng Chính phủ (2015). Chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020, phê duyệt Đề án tổng thể. Quyết định số 1614/QĐ-TTg ngày 15/09/2015.

Bài báo này là sản phẩm khoa học của đề tài "Sinh kế dân nghèo và công cuộc giảm nghèo tại tỉnh Bình Dương". Quyết định số 2134/QĐ-UBND, ngày 9/8/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.